

Số: 1909 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 05 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách đối tượng, kinh phí và cấp bổ sung kinh phí năm 2025 cho Sở Y tế, Sở Xây dựng để thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Kết luận số 173-KL/ĐU ngày 21/5/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại Hội nghị lần thứ 11;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 152/TTr-STC ngày 15/5/2025 và ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách đối tượng, kinh phí thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP đối với 14 công chức thuộc Sở Y tế, Sở Xây dựng với tổng kinh phí **19.449.837.000 đồng** (chi tiết tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Tờ trình số 152/TTr-STC ngày 15/5/2025 của Sở Tài chính).

Điều 2. Về nguồn kinh phí thực hiện:

1. Sở Y tế sử dụng nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị để thực hiện chính sách, chế độ với số tiền **47.840.000 đồng**.

2. Quyết định bổ sung dự toán kinh phí năm 2025 cho Sở Y tế, Sở Xây dựng để thực hiện chính sách, chế độ với tổng số tiền **19.401.997.000 đồng**.

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 tại Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh.

(chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo Tờ trình số 152/TTr-STC ngày 15/5/2025 của Sở Tài chính).

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện:

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc bổ sung dự toán kinh phí nêu tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này.

2. Sở Y tế, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Y tế, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XIII và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCTTT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024 CỦA CHÍNH PHỦ

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm xin nghỉ hưu trước tuổi	Số năm, tháng nghỉ hưu trước tuổi	Thời gian đóng BHXH theo sổ BHXH	Tiền lương tháng hiện hưởng (tháng trước liền kề tháng nghỉ hưu)	Các khoản trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi				Tổng trợ cấp theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP
								Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm	Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm	Trợ cấp 5 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 20 năm đầu công tác có đóng BHXH bắt buộc	Trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho số năm từ năm thứ 21 trở đi có đóng BHXH bắt buộc	
	TỔNG CỘNG											4.513.443.000
I	SỐ Y TẾ											1.698.840.000
	Trường hợp có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu											
1	Nguyễn Thanh Hà	Phó Chánh Văn phòng, Sở Y tế	10/05/1969	01/05/2025	6 năm 1 tháng	31 năm 4 tháng	18.720.000	1.010.880.000	486.720.000	93.600.000	107.640.000	1.698.840.000
II	SỐ XÂY DỰNG											2.814.603.000
	Trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu											
1	Võ Hữu Thiện	Nguyên Phó Giám đốc Sở Xây dựng	20/5/1967	01/04/2025	4 năm 2 tháng	36 năm 7 tháng	17.901.000	895.050.000	402.772.500	89.505.000	152.158.500	1.539.486.000
	Trường hợp có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu											
1	Trần Cường	Chuyên viên Văn phòng Sở Xây dựng	30/12/1970	01/04/2025	7 năm 9 tháng	25 năm 1 tháng	13.601.250	734.467.500	435.240.000	68.006.250	37.403.438	1.275.117.000

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH NGHỈ THÔI VIỆC
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024 CỦA CHÍNH PHỦ

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm xin nghỉ thôi việc	Thời gian tính hưởng trợ cấp nghỉ thôi việc (tháng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tiền lương tháng hiện hưởng	Các khoản trợ cấp thôi việc			Tổng trợ cấp theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP
								Trợ cấp thôi việc	Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH bắt buộc	Trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm	
	TỔNG CỘNG										14.936.394.000
I	SỐ XÂY DỰNG										14.936.394.000
1	Hồ Thị Xuân Kiều	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Xây dựng	08/02/1979	01/4/2025	60	19 năm 1 tháng	14.751.828	708.087.744	431.490.969	44.255.484	1.183.834.000
2	Nguyễn Trường Lâm	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Xây dựng	06/12/1979	01/4/2025	60	22 năm 0 tháng	14.658.462	703.606.176	483.729.246	43.975.386	1.231.310.000
3	Đặng Tiến Công	Phó Chánh Thanh tra, Sở Xây dựng	22/7/1977	01/4/2025	60	25 năm 1 tháng	20.262.528	972.601.344	775.041.696	60.787.584	1.808.430.000
4	Huỳnh Minh Phương	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Xây dựng	24/10/1978	01/4/2025	60	25 năm 9 tháng	20.134.399	966.451.150	785.241.559	60.403.197	1.812.095.000
5	Nguyễn Tấn Trực	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Xây dựng	02/7/1980	01/4/2025	60	19 năm 11 tháng	16.174.080	776.355.840	485.222.400	48.522.240	1.310.100.000
6	Nguyễn Hùng Nhân	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Xây dựng	18/5/1977	01/4/2025	60	22 năm 0 tháng	16.275.168	781.208.064	537.080.544	48.825.504	1.367.114.000
7	Nguyễn Lương Huy	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Xây dựng	05/02/1977	01/4/2025	60	21 năm 6 tháng	16.275.168	781.208.064	524.874.168	48.825.504	1.354.907.000
8	Nguyễn Thanh Phước	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Xây dựng	15/8/1977	01/4/2025	60	26 năm 9 tháng	16.275.168	781.208.064	659.144.304	48.825.504	1.489.177.000
9	Võ Song Toàn	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Xây dựng	02/9/1979	01/4/2025	60	20 năm 2 tháng	15.163.200	727.833.600	466.268.400	45.489.600	1.239.591.000

STT	Nội dung	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm xin nghỉ thôi việc	Thời gian tính hưởng trợ cấp nghỉ thôi việc (tháng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tiền lương tháng hiện hưởng	Các khoản trợ cấp thôi việc			Tổng trợ cấp theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP
								Trợ cấp thôi việc	Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH bắt buộc	Trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm	
10	Nguyễn Xuân Phương	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Xây dựng	10/10/1982	01/4/2025	60	15 năm 7 tháng	12.846.600	616.636.800	308.318.400	38.539.800	963.495.000
11	Huỳnh Văn Nghị	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Xây dựng	10/02/1980	01/4/2025	60	19 năm 1 tháng	14.658.462	703.606.176	428.760.014	43.975.386	1.176.341.000